TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/5/2025.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chu Thị Vân.

2. Bà Phạm Thị Giang.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trịnh Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 17/4/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST–HNGĐ ngày 05/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Ngọc N, sinh năm 1991. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trương Thị Hải Y, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số F H, tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Ngọc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Hải Y tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì bắt bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung, không còn niềm tin và sự tôn trọng, thường xuyên bất hòa dẫn đến

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi vã nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Đến giữa năm 2024 thì chị Trương Thị Hải Y đã dẫn con Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010 bỏ đi nơi khác sinh sống, anh có gọi điện nhưng chị Y không chịu về và cũng không nói nơi ở hiện nay. Nay anh Lê Ngọc N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mạnh ai người ấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị Hải Y.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010 và cháu Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012. Anh Lê Ngọc N cho rằng hiện nay chị Trương Thị Hải Y đang nuôi con Lê Ngọc Yến C và anh đang nuôi con Lê Minh H. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010 cho chị Trương Thị Hải Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012 cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Trương Thị Hải Y*: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ngọc N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Ngọc N được ly hôn với chị Trương Thị Hải Y.

Về con chung: Giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012 cho anh Lê Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010 cho chị Trương Thị Hải Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn chị Trương Thị Hải Y đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, chị Trương Thị Hải Y đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt chị Trương Thị Hải Y theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc N và chị Trương Thị Hải Y tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 04/9/2010. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Ngọc N và chị Trương Thị Hải Y là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh Lê Ngọc N trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay đặc biệt là từ giữa năm 2024 đến này chị Y đã tự ý dẫn con Lê Ngọc Yến C đi nơi khác sinh sống mà không nói cho anh biết. Tại phiên tòa anh Lê Ngọc N khẳng định hiện nay giữa anh và chị Trương Thị Hải Y không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn sống chung, không còn thương

yêu, quý trọng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên anh cương quyết xin được ly hôn với chị Trương Thị Hải Y để ổn định cuộc sống sau này. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ giữa năm 2024 cho đến nay chị Trương Thị Hải Y và anh Lê Ngọc N chính thức không còn sống chung, vợ, chồng không còn quan tâm gì đến nhau, không còn thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa anh Lê Ngọc N và chị Trương Thị Hải Y không còn, mục đích hôn nhân hiện không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Ngọc N với chị Trương Thị Hải Y là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Theo anh Lê Ngọc N trình bày thì vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010 và cháu Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012. Khi ly hôn anh Lê Ngọc N có nguyện vọng được nuôi con Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012 và chị Trương Thị Hải Y nuôi con Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh Lê Ngọc N đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012 và chị Trương Thị Hải Y đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010. Vì vậy, nguyện vọng của anh Lê Ngọc N là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012 cho anh Lê Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và giao con chung Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010 cho chị Trương Thị Hải Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lê Ngọc N không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con nên các bên đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Ngọc N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''* của nguyên đơn anh Lê Ngọc N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc N được ly hôn với chị Trương Thị Hải Y.

2. Về con chung:

+ Giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 10/9/2012 cho anh Lê Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Giao con chung Lê Ngọc Yến C, sinh ngày 09/12/2010 cho chị Trương Thị Hải Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Các đương sự không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Ngọc N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001503 ngày 18/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- UBND xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Tiến